HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **XÃ TÂN LỘC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:01/2026/NQ-HĐND	*Tân Lộc, ngày 04 tháng 1 1năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Quy định định mức khoán chi trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của xã Tân Lộc

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 và Luật số 87/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Xét Tờ trình số 182/TTr-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Tân Lộc về dự thảo Nghị quyết quy định định mức khoán chi trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn xã Tân Lộc; Báo cáo thẩm tra số 12/BC-BKTNS ngày 27 tháng 10 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách, Hội đồng nhân dân; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định định mức khoán chi trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của xã Tân Lộc.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định định mức khoán chi trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã Tân Lộc, gồm: Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã, Quyết định của Ủy ban nhân dân xã.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, đơn vị được phân công thực hiện nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân xã, Ủy ban nhân dân xã.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến định mức khoán chi trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn xã Tân Lộc.

Điều 3. Định mức khoán chi trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

1. Đối với văn bản được ban hành mới hoặc thay thế

a) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã: 10.000.000 đồng/văn bản.

b) Quyết định của Ủy ban nhân dân xã: 8.000.000 đồng/văn bản.

2. Đối với văn bản sửa đổi, bổ sung

a) Trường hợp văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều của 02 văn bản quy phạm pháp luật trở lên, mức chi bằng 100% tổng mức chi đối với từng loại văn bản quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Trường hợp sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 văn bản quy phạm pháp luật, mức chi bằng 60% tổng mức chi đối với từng loại văn bản quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Đối với văn bản bãi bỏ một phần hoặc bãi bỏ toàn bộ, mức chi bằng 30% tổng mức chi đối với từng loại văn bản quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 4. Định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

1. Định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật là nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã, quyết định của Ủy ban nhân dân xã, gồm:

a) Định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã ban hành mới, thay thế thực hiện theo Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này;

b) Định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng quyết định của Ủy ban nhân dân xã ban hành mới, thay thế thực hiện theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này;

c) Định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 02 văn bản quy phạm pháp luật trở lên thực hiện theo Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết này;

d) Định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị quyết này;

đ) Định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng văn bản quy phạm pháp luật bãi bỏ một phần và bãi bỏ toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Đối với Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã thực hiện định mức khoán chi quy định tại điểm a, c, d, đ khoản 1 Điều này do các Ban của Hội đồng nhân dân xã trình, không thực hiện thẩm định thì định mức khoán chi từng nhiệm vụ, hoạt động tương ứng với tỷ lệ như sau: soạn thảo văn bản 55%; tổng hợp, rà soát hồ sơ trình 10%; thẩm tra 25%, thông qua 10%.

3. Người đứng đầu cơ quan được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ căn cứ định mức khoán chi quy định tại Nghị quyết này để quyết định mức chi đối với từng nhiệm vụ, hoạt động cụ thể theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Lập dự toán, quyết toán và kinh phí thực hiện

1. Hằng năm, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã chủ trì lập dự toán kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, gửi cơ quan có thẩm quyền tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện Nghị quyết này được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 03 tháng 11 năm 2026.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân xã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Tân Lộc Khóa XIII, Kỳ họp thứ Tư (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 03 tháng 11 năm 2026.

Nơi nhận:
- Thường trực Đảng ủy;
- Ủy ban nhân dân xã;
- BTT. Ủy ban MTTQ Việt Nam xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã;
- Các tổ chức chính trị - xã hội xã;
- Trang Thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Hảnh

Phụ lục I

ĐỊNH MỨC KHOÁN CHI ĐỐI VỚI NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ BAN HÀNH MỚI, THAY THẾ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-HĐND, ngày 04 tháng 11 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Tỷ lệ	Định mức khoán chi
1	Soạn thảo văn bản	50%	5.000.000
2	Thẩm định hồ sơ dự thảo	10%	1.000.000
3	Tổng hợp, rà soát hồ sơ trình	10%	1.000.000
4	Thẩm tra	20%	2.000.000
5	Thông qua	10%	1.000.000

Phụ lục II

ĐỊNH MỨC KHOÁN CHI CHO NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG ĐỐI VỚI QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BAN HÀNH MỚI, THAY THẾ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-HĐND, ngày 04 tháng 11 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Tỷ lệ	Định mức khoán chi
1	Soạn thảo văn bản	70%	5.600.000
2	Thẩm định hồ sơ dự thảo	15%	1.200.000
3	Tổng hợp, rà soát hồ sơ trình ban hành	15%	1.200.000

Phụ lục III

ĐỊNH MỨC KHOÁN CHI CHO NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG ĐỐI VỚI VIỆC XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA 02 VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TRỞ LÊN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-HĐND, ngày 04 tháng 11 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Tỷ lệ	Định mức khoán chi
I	**Đối với Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã**	**100%**	**10.000.000**
1	Soạn thảo văn bản	50%	5.000.000
2	Thẩm định hồ sơ dự thảo	10%	1.000.000
3	Tổng hợp, rà soát hồ sơ trình	10%	1.000.000
4	Thẩm tra	20%	2.000.000
5	Thông qua	10%	1.000.000
II	**Đối với Quyết định của Ủy ban nhân dân xã**	**100%**	**8.000.000**
1	Soạn thảo văn bản	70%	5.600.000
2	Thẩm định hồ sơ dự thảo	15%	1.200.000
3	Tổng hợp, rà soát hồ sơ trình ban hành	15%	1.200.000

Phụ lục IV

ĐỊNH MỨC KHOÁN CHI CHO NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG ĐỐI VỚI VIỆC XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA 01 VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-HĐND, ngày 04 tháng 11 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Tỷ lệ	Định mức khoán chi
I	**Đối với Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã**	**100%**	**6.000.000**
1	Soạn thảo văn bản	50%	3.000.000
2	Thẩm định hồ sơ dự thảo	10%	600.000
3	Tổng hợp, rà soát hồ sơ trình	10%	600.000
4	Thẩm tra	20%	1.200.000
5	Thông qua	10%	600.000
II	**Đối với Quyết định của Ủy ban nhân dân xã**	**100%**	**4.800.000**
1	Soạn thảo văn bản	70%	3.360.000
2	Thẩm định hồ sơ dự thảo	15%	720.000
3	Tổng hợp, rà soát hồ sơ trình ban hành	15%	720.000

Phụ lục V

ĐỊNH MỨC KHOÁN CHI CHO NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG ĐỐI VỚI VIỆC XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT BÃI BỎ MỘT PHẦN HOẶC BÃI BỎ TOÀN BỘ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-HĐND, ngày 04 tháng 11 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Tỷ lệ	Định mức khoán chi
I	**Đối với Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã**	**100%**	**3.000.000**
1	Soạn thảo văn bản	50%	1.500.000
2	Thẩm định hồ sơ dự thảo	10%	300.000
3	Tổng hợp, rà soát hồ sơ trình	10%	300.000
4	Thẩm tra	20%	600.000
5	Thông qua	10%	300.000
II	**Đối với Quyết định của Ủy ban nhân dân xã**	**100%**	**2.400.000**
1	Soạn thảo văn bản	70%	1.680.000
2	Thẩm định hồ sơ dự thảo	15%	360.000
3	Tổng hợp, rà soát hồ sơ trình ban hành	15%	360.000